

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN TẤN PHÁT
BÙI NHƯ Ý
PHẠM PHƯƠNG TÂM
Trường Đại học Cần Thơ

Nhận bài ngày 20/6/2021. Sửa chữa xong 01/7/2021. Duyệt đăng 05/7/2021.

Abstract

The Party and State's policies and guidelines on the socialization of higher education have been institutionalized and quickly put into practice in Vietnam education. In the past time, we have achieved tremendous and respectable achievements. However, that result is not really commensurate with the potential of the country that is traditionally studious. Many issues are arising that require us to set out in the process of implementing the social higher education in Vietnam as: The relationship between enlargement and the quality of higher education, State management role with community monitoring, the issue of the relationship between program innovation, content and method of education - training with the resources to implement that innovation.... contributing to improving the quality of higher education.

Keywords: Socialize higher education, Higher education, the issues raised.

1. Đặt vấn đề

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học (GDĐH), chủ trương này có mục tiêu chính là phát huy sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân và các lực lượng trong xã hội, tạo ra những chuyển biến tốt hơn về chất lượng GDĐH, góp phần nâng cao mức thụ hưởng GDĐH tương ứng với sự phát triển về vật chất và tinh thần của nhân dân. GDĐH đã có những bước chuyển biến đáng kể về chất lượng và số lượng, ngày càng đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước cũng như quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, xã hội hóa GDĐH còn tồn tại một số hạn chế và đặt ra yêu cầu cần giải quyết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam

Mục tiêu chiến lược mà Đảng và Nhà nước đã đề ra là sớm đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam cần đào tạo được nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước. Theo đó, một trong những yếu tố có ý nghĩa then chốt là làm cách nào để nâng cao chất lượng GDĐH. Bởi lẽ, trong bất kỳ điều kiện lịch sử nào, trường đại học luôn là môi trường bồi dưỡng, sáng tạo và chuyển giao những thành tựu khoa học - công nghệ mới nhất, là đầu tàu trong việc tạo ra nguồn nhân lực chất lượng và chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Nhận thức rõ được điều này, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là GDĐH, chủ trương đó có mục tiêu chính là phát huy sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn dân, tạo ra những chuyển biến tốt hơn về chất lượng giáo dục bậc đại học trong bối cảnh GDĐH đang trở thành đại chúng hóa và ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức. Trong quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục, đặc biệt từ Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa Tiếp sau đó Nghị định số 73/1999/NĐ-CP là hành lang pháp lý tạo điều kiện thực hiện xã hội hóa giáo dục, GDĐH đã huy động sức mạnh của các ban, ngành có liên quan vào sự phát triển GDĐH một

cách thường xuyên theo cơ chế vận hành được xác định, xây dựng từ Trung ương đến địa phương trên cơ sở chiến lược phát triển lâu dài cho cả nước; huy động các lực lượng của cộng đồng tham gia vào công tác giáo dục dưới nhiều hình thức và lĩnh vực phong phú, đa dạng; đa dạng hoá các hình thức giáo dục và các loại hình nhà trường, tạo điều kiện cho nhiều lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục; đa dạng các nguồn đầu tư, khai thác tiềm năng về nhân lực, vật lực, tài lực và sử dụng có hiệu quả để phát triển giáo dục như Đại hội Đảng lần thứ XII đã khẳng định: “Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp từ cơ sở đến đại học, dạy nghề được tổ chức lại một bước. Quan tâm đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ”⁽¹⁾.

Về cơ bản GDĐH ở nước ta hiện nay đã được đa dạng hóa các loại hình nhà trường trên cơ sở nâng cao tính tự chủ của các cơ sở đào tạo, bên cạnh hệ thống trường công lập còn có hệ thống trường ngoài công lập; các hình thức học tập cũng đa dạng tạo điều kiện cho người học có cơ hội lựa chọn những hình thức học tập phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình, giúp cập nhật kiến thức thường xuyên ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ, hình thành nên ý thức học tập liên tục, học suốt đời. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê về giáo dục, tổng số sinh viên (SV) cao đẳng, đại học trong năm 2019 là 1.719.499, trong đó SV ngoài công lập là 158.039. Hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ tổng số trường cao đẳng và đại học ở Việt Nam là 472 trường với hơn 2,5 triệu SV, trong đó các trường ngoài công lập đã tăng lên 98 trường (chiếm 19,1% trong tổng số trường), số lượng giảng viên (GV) tham gia giảng dạy là 17.100 GV (chiếm 20,6%) trên tổng số GV giảng dạy ở hệ đại học và cao đẳng trên cả nước [3].

Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích các cơ sở GDĐH công lập chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và giảm chi cho ngân sách nhà nước, đồng thời không làm giảm cơ hội tiếp cận GDĐH của SV nghèo, SV là đối tượng chính sách. Thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP, ngày 24/10/2014 về *thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017*. Hiện nay, đã có 10 trường đại học được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện Đề án thí điểm. Từ quy mô như trên chúng ta có thể khẳng định, xã hội hóa giáo dục ngày càng được đẩy mạnh, nguồn lực trong xã hội đầu tư cho giáo dục được huy động ngày càng nhiều. Sự phân bố các cơ sở GDĐH đã dẫn rộng khắp trên phạm vi cả nước. Điều này là hết sức quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của từng địa phương và cả nước. Như vậy, việc thành lập các trường cao đẳng, đại học ngoài công lập không chỉ tạo cơ hội cho hàng trăm ngàn người được đi học mỗi năm mà còn thu hút được nhiều nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho GDĐH.

Đối với các trường đại học công lập do được giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhiều trường đã chủ động trong việc lập dự toán thu - chi phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Đồng thời huy động các nguồn lực, khai thác khả năng thực hiện để tài nghiên cứu khoa học, cung cấp các dịch vụ giúp tăng thêm nguồn thu sự nghiệp cho đơn vị thông qua hợp đồng kinh tế với doanh nghiệp, ngoài việc kết hợp đào tạo theo đơn đặt hàng, hoặc cử SV đi thực tập nhiều trường còn tạo nguồn thu từ việc chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, các trường đại học, cao đẳng còn thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo không chỉ giữa các trung tâm, trường đại học trong nước mà còn thực hiện liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài. Hơn nữa, còn có một số trường cao đẳng, đại học có vốn đầu tư nước ngoài viện trợ cho hoạt động giáo dục và đào tạo. Mặt khác, trong quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục đã xuất hiện một số nhà đầu tư tiềm năng có vốn đầu tư viện trợ cho các hoạt động giáo dục và đào tạo như Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư thành lập Trường Đại học Điện lực (Bộ Công thương); Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đầu tư thành lập và điều hành Trường Đại học Dầu khí; Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đầu tư thành lập và vận hành Trường Cao đẳng Vietronics Hải Phòng; Tập đoàn FPT đầu tư thành lập và vận hành Trường Đại học FPT,...

Tuy nhiên, xã hội hóa GDĐH còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa trở thành động lực cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Xã hội hóa giáo dục mới chỉ phát triển theo chiều rộng, tăng về quy mô, số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo. Còn về chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đạt được như mong muốn,

chưa phù hợp với yêu cầu hội nhập, chưa đồng bộ, có sự chênh lệch giữa các trường, vùng miền. Xã hội hóa GDĐH vẫn còn nhiều bất cập làm cho chất lượng đào tạo chưa cao như Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là GDĐH, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành...”⁽²⁾. Điều đáng nói, một số các cơ sở giáo dục không chỉ ngoài công lập mà ngay cả công lập vì lợi ích kinh tế trước mắt đã vi phạm các quy định đảm bảo chất lượng giáo dục như: Tuyển sinh vượt quá khả năng về điều kiện cơ sở vật chất cho phép, tỷ lệ SV/lớp, SV/GV, không có cơ sở giáo dục - đào tạo vẫn được cấp phép mở trường, không đủ tiêu chuẩn về đội ngũ GV vẫn mở ngành nghề đào tạo. Thậm chí, một số đơn vị không có chức năng đào tạo, không được cấp phép liên kết đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng vẫn thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài như Công ty Cổ phần Skills Group Việt Nam tự ý tuyển sinh và tổ chức lớp học đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh từ đầu tháng 7 năm 2019 cho hơn 20 học viên với học phí từ 4.500 đến 6.000USD⁽³⁾. Hay, một số trường không đủ tiêu chuẩn quy định nhân sự vẫn mở ngành học mới. Vì vậy, kết quả xã hội hóa giáo dục ở nước ta chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng của một dân tộc hiếu học để xây dựng nền giáo dục phát triển.

Bên cạnh đó, việc thành lập các trường đại học ngoài công lập còn mang tính tự phát, thiếu điều tra khảo sát kỹ càng, thiếu chuẩn bị về điều kiện đảm bảo chất lượng dạy - học, điều đó dẫn đến các trường không thể tuyển sinh và có nguy cơ tan rã. Một điều đáng để cập ở đây là dường như các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng vẫn đứng ngoài sự nghiệp giáo dục, không nhiều doanh nghiệp bắt tay, mặn mà với các trường đại học, cao đẳng; chưa đặt hàng yêu cầu về chất lượng đầu ra hay đóng góp kinh phí hỗ trợ SV,... Thực tế cho thấy, không ít doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chỉ cần có chính sách trả lương cao là có thể dễ dàng chọn lọc người tài. Do đó, những năm gần đây, mặc dù nguồn nhân lực Việt Nam từng bước nâng cao cả về chất lượng và số lượng song chưa đáp ứng tốt yêu cầu xã hội. Theo đánh giá của các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, một trong những khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp hiện nay là lực lượng lao động qua đào tạo còn thiếu nhiều kỹ năng cần thiết, nên sau khi tuyển dụng doanh nghiệp phải đào tạo lại. Theo khảo sát của Ngân hàng thế giới năm 2019, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc, hóa chất đánh giá khoảng 60% lao động trẻ tốt nghiệp từ các trường cần đào tạo lại sau khi tuyển dụng [3].

2.2. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện xã hội hóa GDĐH

Với những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện xã hội hóa GDĐH đã đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, cụ thể:

2.2.1. Mối quan hệ giữa tăng quy mô với đảm bảo chất lượng GDĐH

Như chúng ta đã biết, bất cứ một nền giáo dục nào, quy mô và chất lượng giáo dục, đào tạo có mối quan hệ biện chứng với nhau. Khi phát triển về quy mô giáo dục, đào tạo thì cùng với đó sẽ phải đảm bảo việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục mới có thể đảm bảo phát triển GDĐH bền vững. Nếu xã hội hóa GDĐH mà chỉ quan tâm đến phát triển quy mô như mở nhiều trường lớp, đa dạng hóa các loại hình và phương thức đào tạo mà không nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì xã hội hóa GDĐH thất bại. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho xã hội hóa GDĐH là cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng quy mô với đảm bảo chất lượng đào tạo.

2.2.2. Mối quan hệ giữa đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo với nguồn lực để thực hiện việc đổi mới đó.

Vai trò mới của GDĐH trong kỷ nguyên trí tuệ ngày càng đòi hỏi: Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; hiện đại hóa giáo dục, đào tạo; học tập qua mạng, học từ xa; xây dựng xã hội học tập,... Bởi lẽ, nội dung, chương trình cũng như phương pháp dạy học ở các cấp học, đặc biệt là GDĐH nhìn chung còn nhiều bất cập, cũ và lạc hậu như Đại hội lần thứ XII của Đảng đã khẳng định: “Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất”⁽⁴⁾.

Song, đổi mới nội dung, chương trình như thế nào? phương pháp giáo dục, đào tạo ra sao? Những nguồn lực (nhân lực và vật lực) như thế nào mới có khả năng nghiên cứu, triển khai một cách khoa học, hệ thống, phù hợp với từng loại hình giáo dục? Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục phải xuất phát từ mục tiêu đào tạo, gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của đất nước và xu thế phát triển ở thế giới. Có thể khẳng định, nội dung, chương trình của GDĐH cũ - học một lần làm việc cả đời khác hoàn toàn so với nội dung, chương trình của GDĐH "học liên tục, học suốt đời" để thích ứng với sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ hay chuyển đổi nghề nghiệp, cơ cấu lao động trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Gắn liền với đổi mới nội dung, chương trình là đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo, điều đó đòi hỏi chúng ta phải chuyển đổi từ phương pháp giáo dục "dạy bảo - truyền thụ", học thuộc sang các phương pháp giáo dục sáng tạo; tiếp thu và ứng dụng sáng tạo có hiệu quả các phương pháp dạy - học tiên tiến trên thế giới, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; chú trọng phương pháp giáo dục từ xa, qua mạng cho mọi đối tượng để xây dựng xã hội học tập.

Bởi vậy, vấn đề đặt ra để đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy cho GDĐH cần có những nhà giáo dục có tâm và tầm, cũng như có nguồn kinh phí dành cho GDĐH đủ lớn và sử dụng có hiệu quả. Công việc này cũng không chỉ là công việc, trách nhiệm của từng GV, từng trường, ngành Giáo dục mà cần có sự tham gia của các ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và được chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng và triển khai đồng bộ, khoa học.

2.2.3. Xã hội hóa GDĐH với tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư

Trên thực tế, những năm thực hiện xã hội hóa giáo dục, việc thu hút nguồn vốn đầu tư cho giáo dục không ngừng tăng từ ngân sách nhà nước, tăng từ 13% (năm 1998) lên 20% (năm 2019) [3]. Song quy mô ngân sách nước ta nhỏ nên tổng mức chi ngân sách cho giáo dục còn hạn chế, mức chi bình quân cho một học sinh, SV còn rất khiêm tốn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Kinh phí hạn hẹp, nhà nước phải chi trả cho tất cả các cấp học, trình độ đào tạo, điều này làm cho kinh phí đầu tư, nguồn lực đầu tư bị căng mỏng để phủ toàn bộ hệ thống giáo dục nên không tạo được bước chuyển biến lớn trong lĩnh vực giáo dục.

Mặc dù, trong quá trình xã hội hóa, GDĐH đã huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước: Từ gia đình, dòng họ, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị, thành phần kinh tế,... Cùng với đó là sự đa dạng về các loại hình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, cốt lõi là giáo dục chính quy bên cạnh các loại hình giáo dục, đào tạo khác góp phần thu hút nguồn lực đầu tư cho GDĐH nhưng việc huy động nguồn vốn đầu tư còn rất hạn chế.

Như vậy, GDĐH Việt Nam hiện nay luôn phải đương đầu với mâu thuẫn lớn là yêu cầu cao về mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng với một bên là sự hạn hẹp của nguồn lực tài chính. Mâu thuẫn này vẫn ngày càng gay gắt và tiếp tục gay gắt do quy mô đào tạo không ngừng mở rộng, nhu cầu học tập của người dân ngày càng lớn, yêu cầu về chất lượng giáo dục ngày càng cao.

2.2.4. Quan hệ giữa quản lý nhà nước và giám sát của cộng đồng đối với giáo dục và đào tạo

Quản lý nhà nước về giáo dục có thể coi là khâu then chốt nhằm đảm bảo thắng lợi của mọi hoạt động giáo dục và đào tạo. Vì thông qua quản lý nhà nước về giáo dục, việc thực hiện các chủ trương, chính sách giáo dục quốc gia, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục, thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục,... mới được triển khai, thực hiện có hiệu quả. Để xã hội hóa GDĐH đạt hiệu quả góp phần phát triển nền giáo dục Việt Nam, hơn lúc nào hết vai trò quản lý giáo dục của nhà nước cần được tăng cường và kết hợp chặt chẽ với sự giám sát của cộng đồng, chỉ khi đó mới có thể nâng cao chất lượng GDĐH. Các tổ chức xã hội cùng toàn thể nhân dân có vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động GDĐH. Bởi lẽ, nhân dân chính là người cung ứng và cũng là người trực tiếp thụ hưởng giáo dục nên họ hiểu rõ những thành tựu, hạn chế, thậm chí là những tiêu cực của GDĐH. Vì vậy, Nhà nước cần có những cơ chế để các lực lượng này tiếp cận được thông tin, để đạt nguyện vọng, góp phần khắc phục những hạn chế, tiêu cực, tạo nên sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trong các hoạt động GDĐH.

Xem tiếp trang 53